



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dầu khí Đông Đô

Ngày 30/09/2025	2,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	13.0%	4.0%

DT thuần Q3/25
23.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.2 -40.9%
YoY: ▲ 11.9 104%

LN thuần Q3/25
-1.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.33 -129%
YoY: ▼1.70 -3400%

LN sau thuế Q3/25
-1.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.45 -128%
YoY: ▼1.67 -3340%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-6.9%
YoY: +/-▼ 21.6%

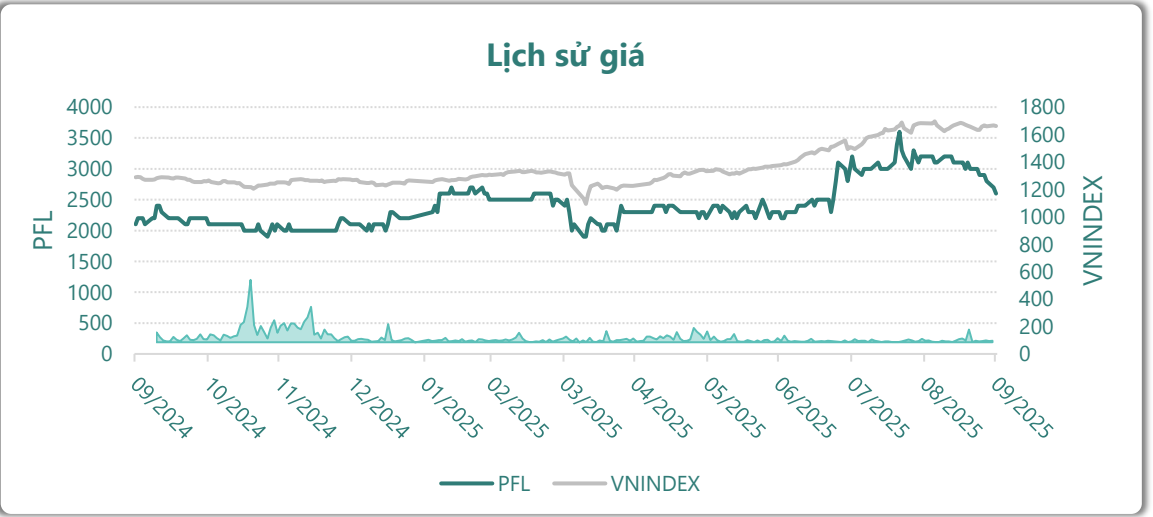
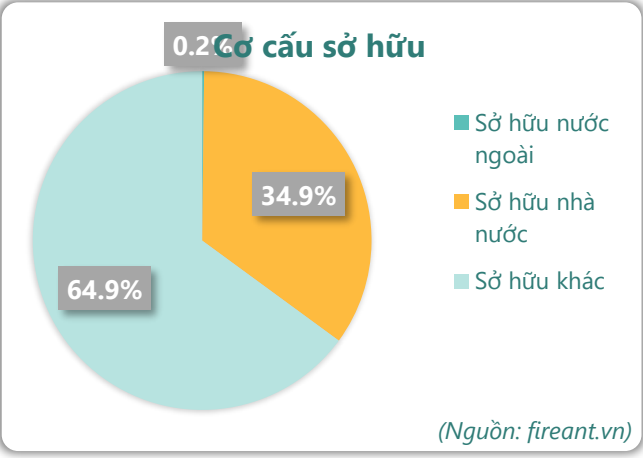
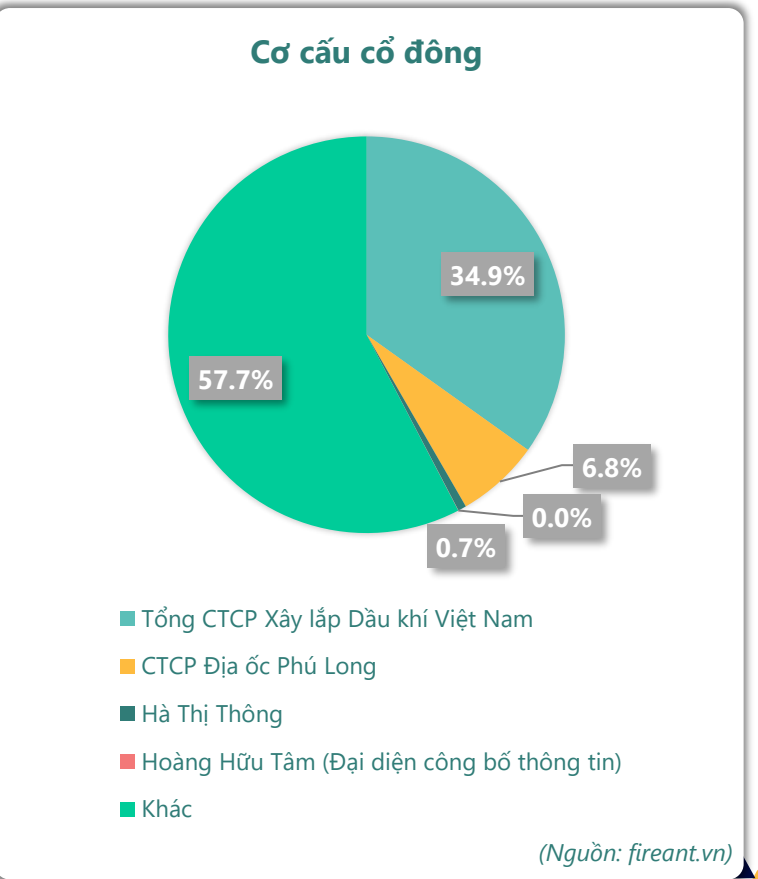
ROE (TTM) Q3/25
2.6%
YoY: +/-▼ 0.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,900 - 3,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	130
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	169,330
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.33
EPS	119
P/E	21.8

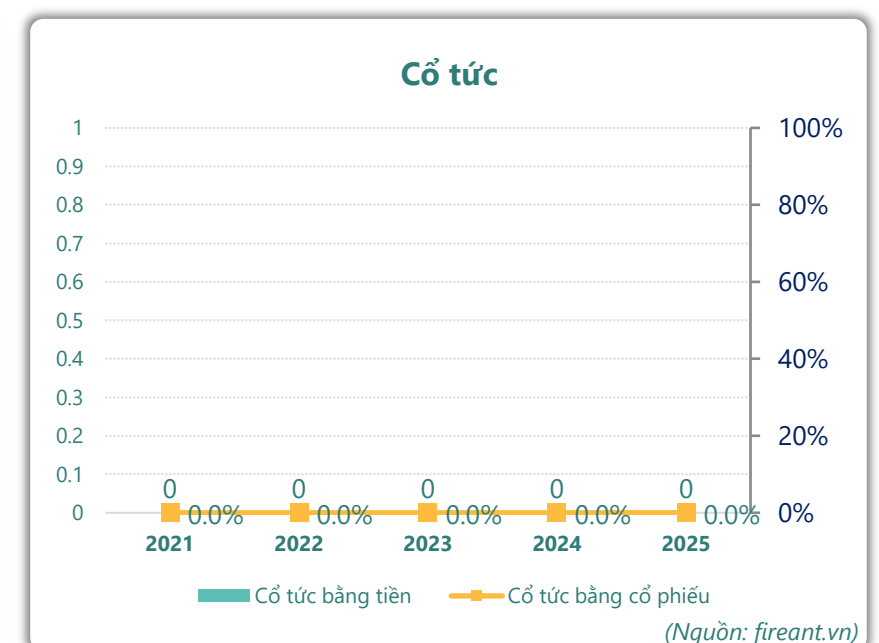
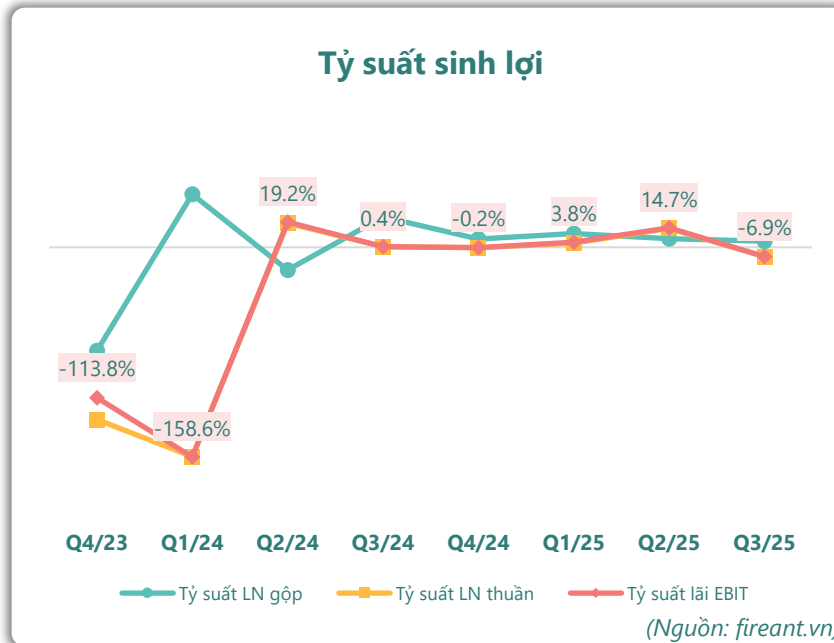
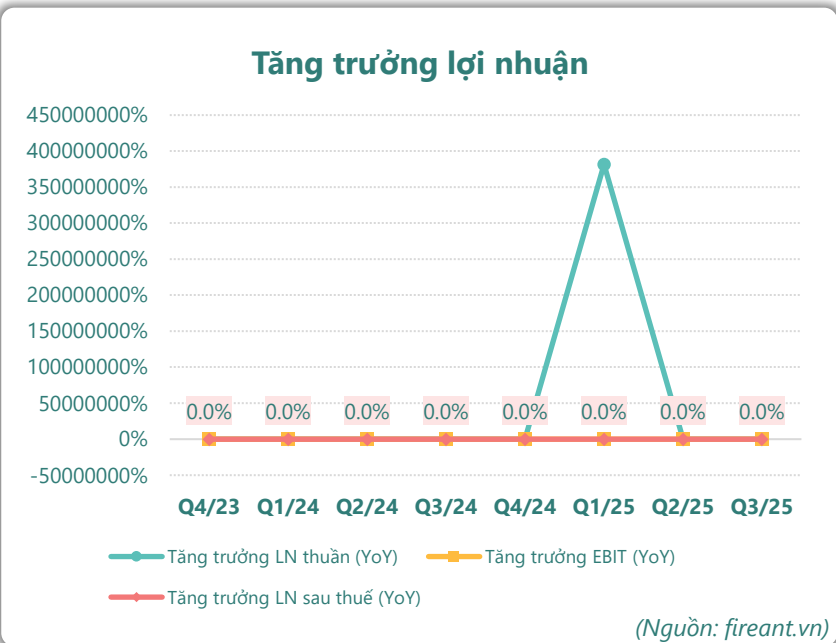
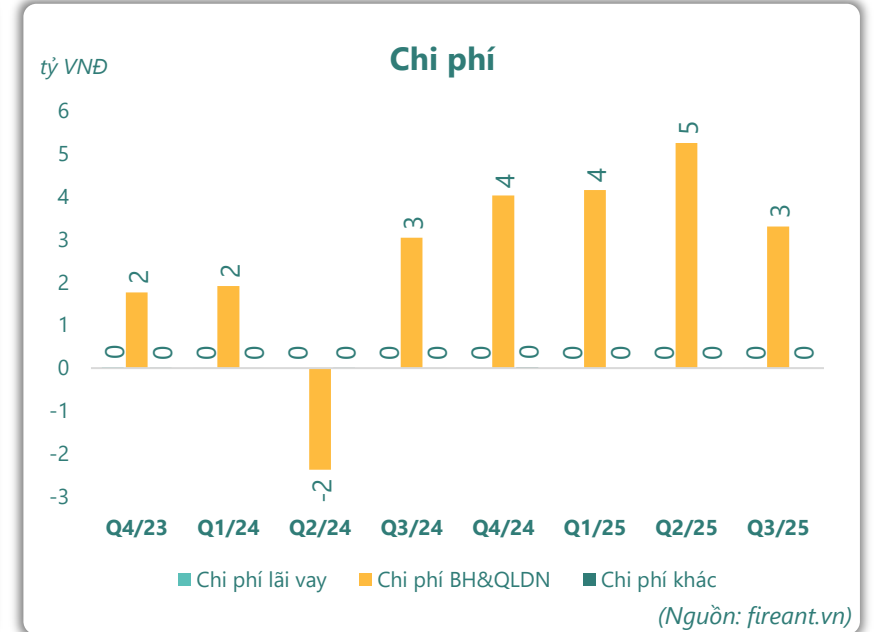
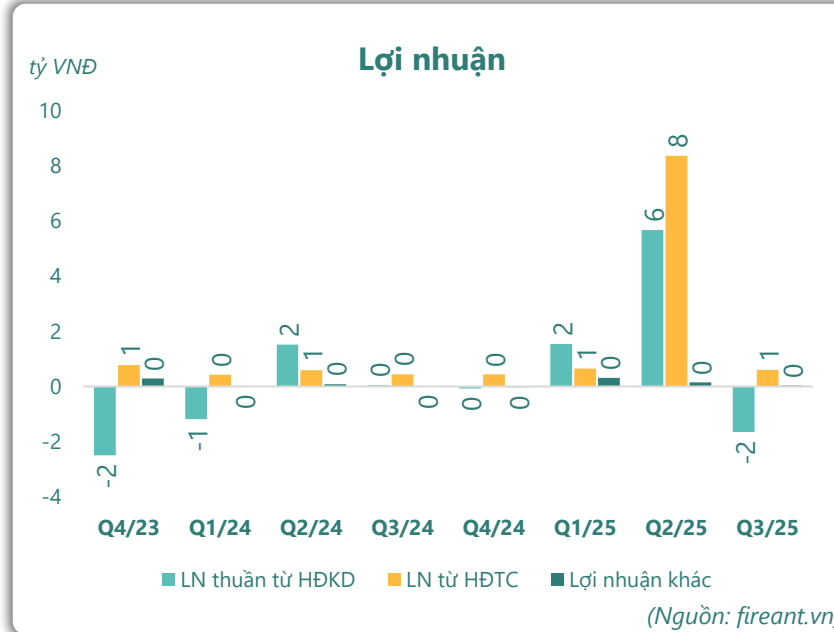
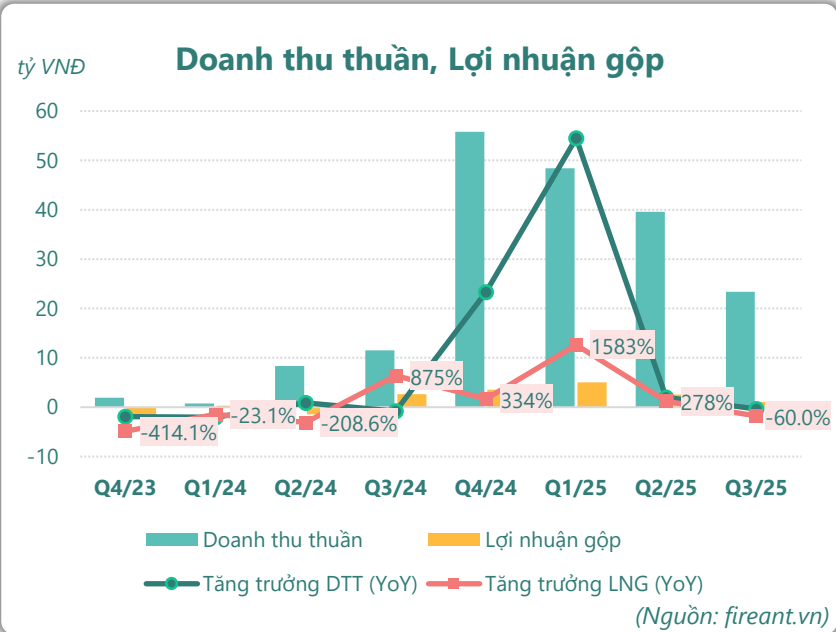
DT thuần 9T 2025
111
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 90.4 441%

LN thuần 9T 2025
5.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.18 1331%

LN sau thuế 9T 2025
6.06
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.60 1211%



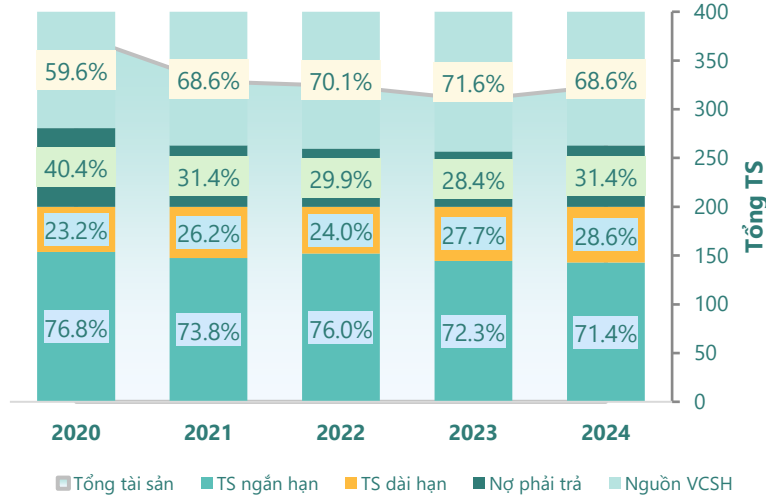
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

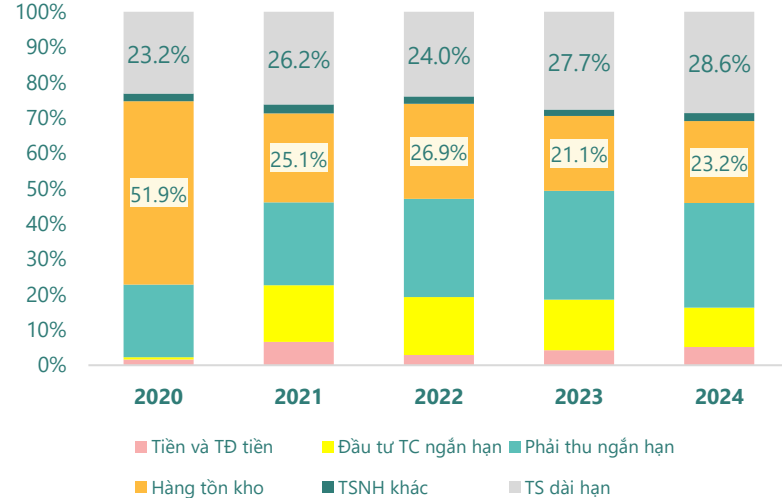
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

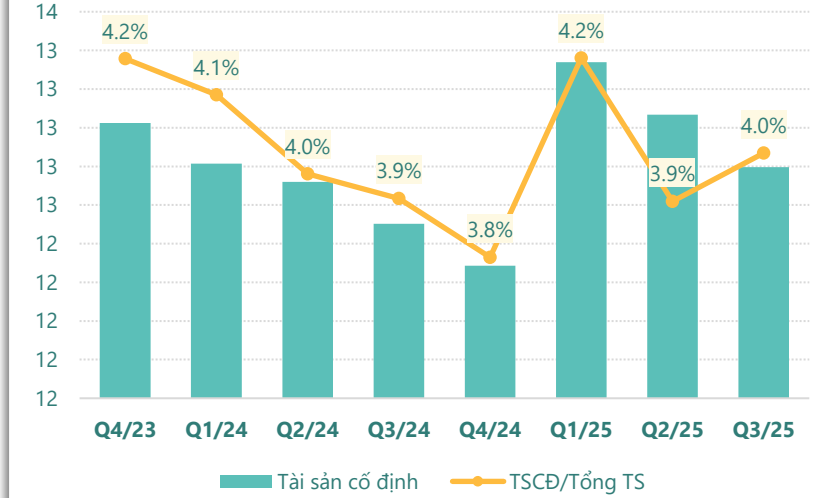
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

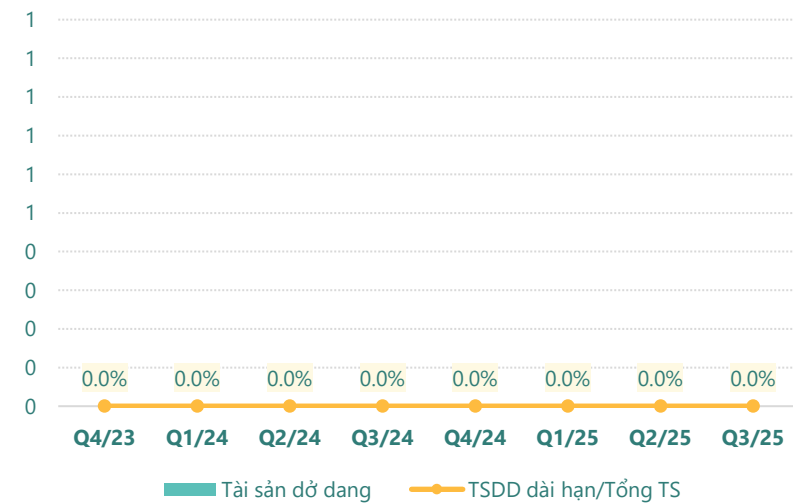
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

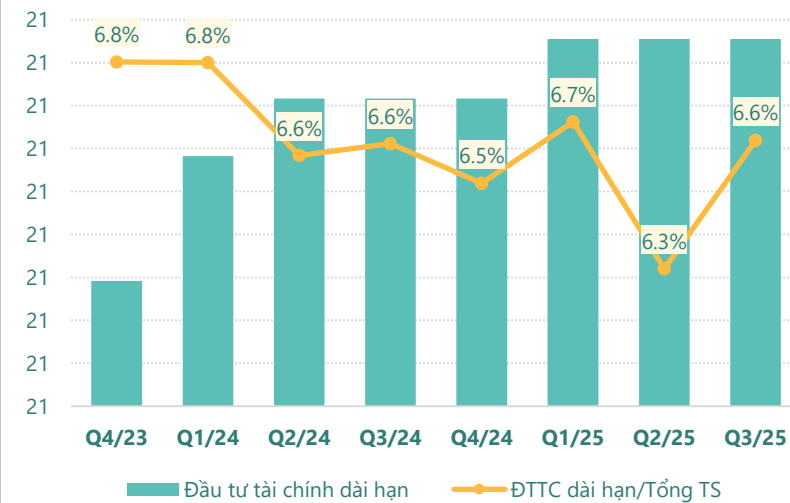
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

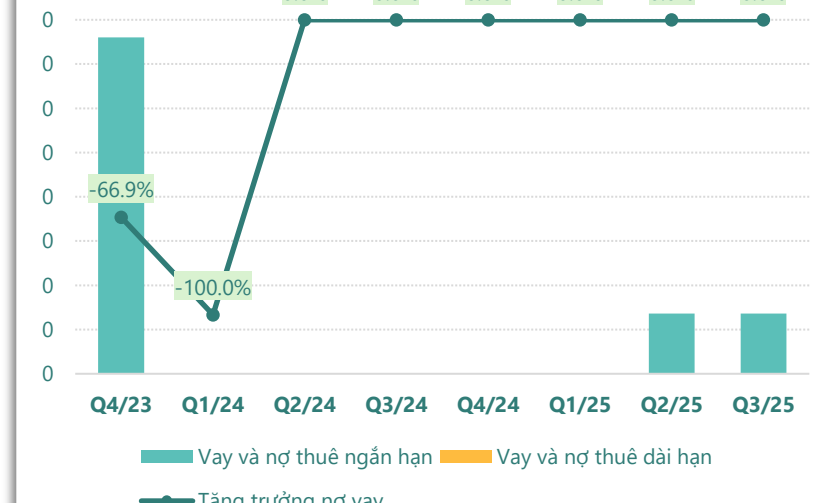
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

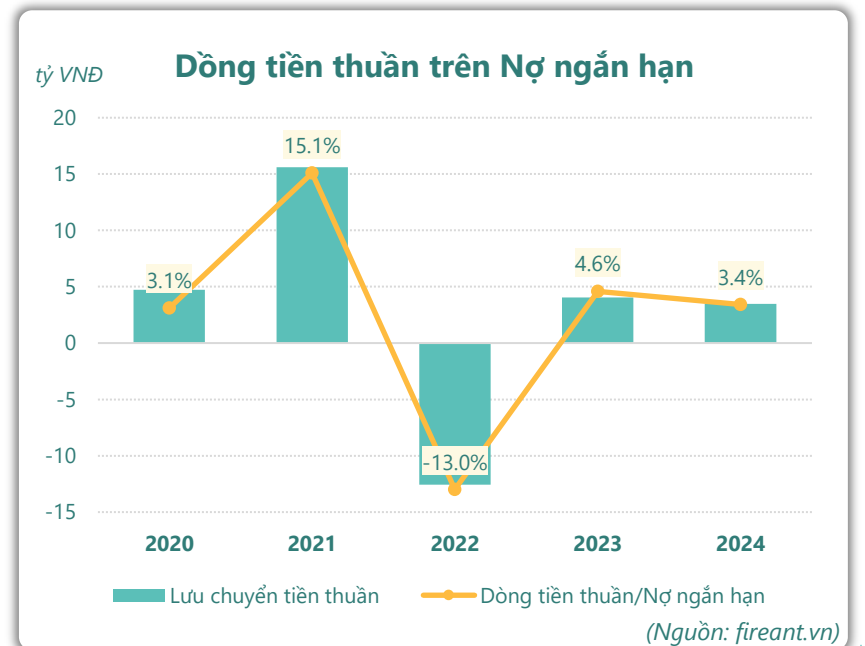
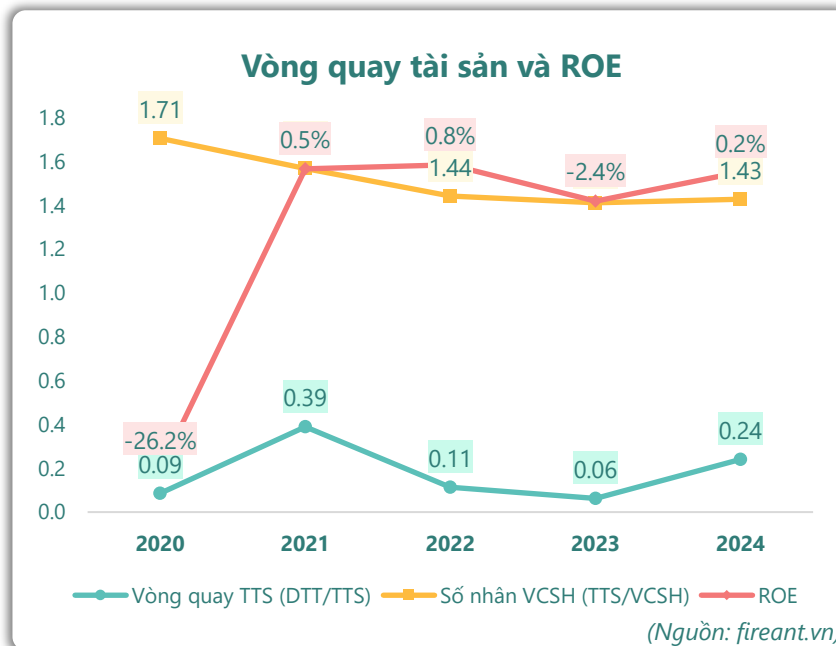
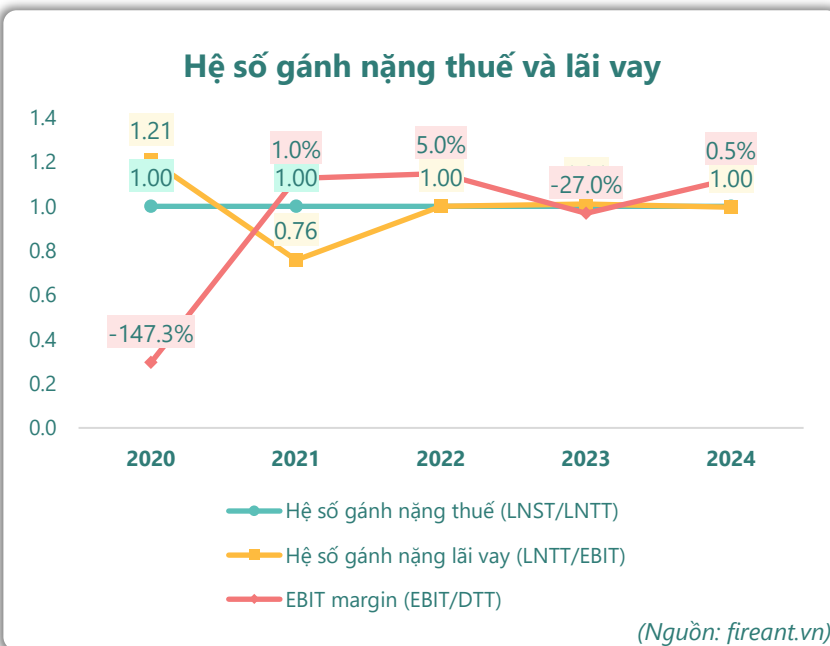
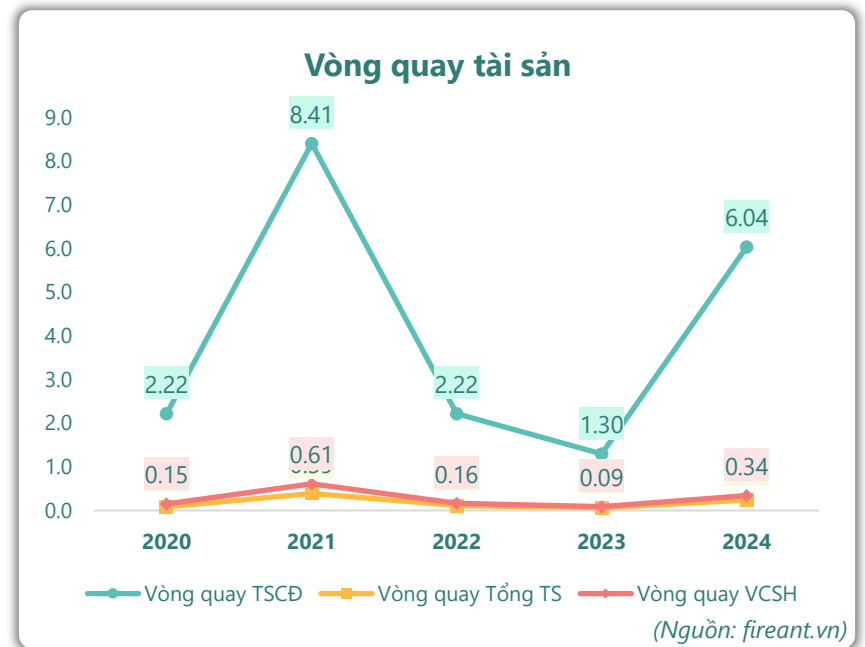
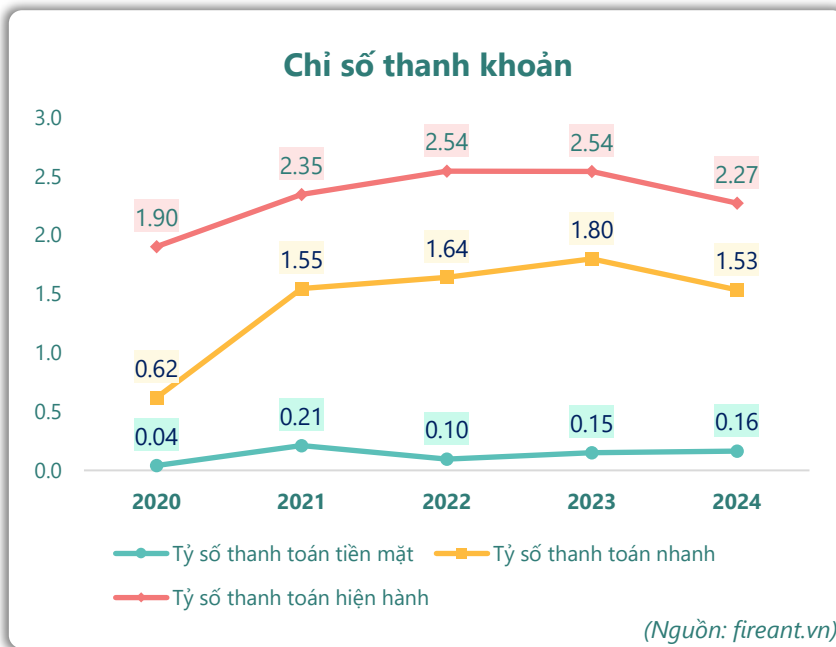
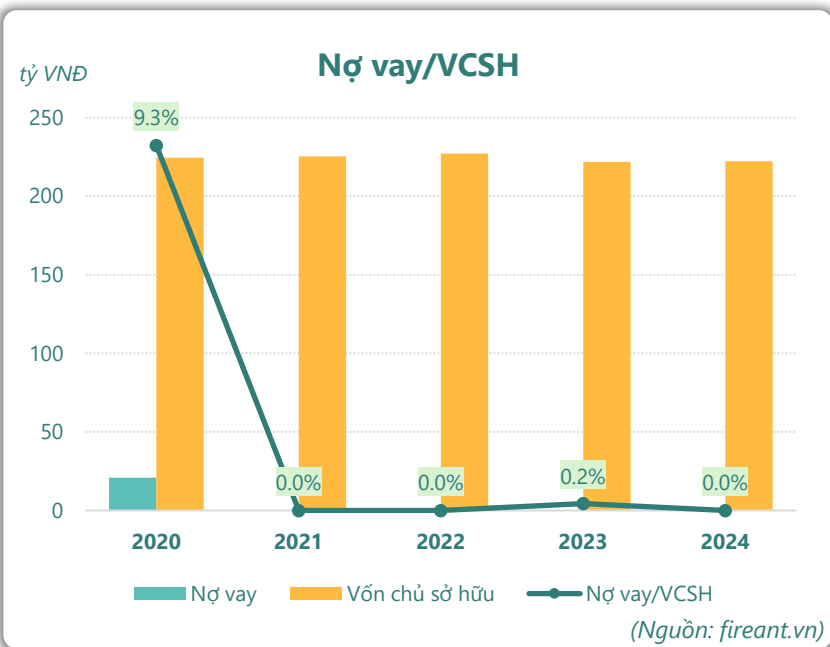
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	23.4	11.5	104%	111	20.6	441%
Giá vốn hàng bán	22.3	8.84	153%	103	19.1	438%
Lợi nhuận gộp	1.06	2.65	-60.0%	8.66	1.51	472%
Doanh thu HĐTC	0.60	0.44	36.4%	9.62	1.45	563%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.00	-0.01	124%
Chi phí lãi vay	0.00	0.00		0.00	0.00	62.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.30	0.54	141%	4.04	0.56	628%
Chi phí QLDN	2.01	2.51	-20.0%	8.67	2.03	327%
LN thuần từ HĐKD	-1.65	0.05	-3400%	5.57	0.39	1331%
Lợi nhuận khác	0.03	0.00		0.49	0.07	573%
LN trước thuế	-1.62	0.05	-3340%	6.06	0.46	1211%
Lợi nhuận sau thuế	-1.62	0.05	-3340%	6.06	0.46	1211%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.62	0.05	-3340%	6.06	0.46	1211%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.96	-1.18	-3.14	11.0	5.45	-23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.10	-1.68	4.69	-8.94	-2.97	7.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0.07	0
Tiền đầu kỳ	16.9	16.8	13.9	15.5	17.5	21.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.14	-2.86	1.55	2.04	2.55	-16.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.8	13.9	15.5	17.5	21.4	5.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	319	324	-1.4%
Tài sản ngắn hạn	255	231	10.4%
Tiền và tương đương tiền	5.19	16.8	-69.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.2	36.1	14.1%
Phải thu ngắn hạn	117	95.9	21.6%
Hàng tồn kho	85.2	75.1	13.5%
Tài sản ngắn hạn khác	7.21	7.45	-3.3%
Tài sản dài hạn	64.0	92.8	-31.0%
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.0%
Tài sản cố định	12.8	12.3	4.2%
Bất động sản đầu tư	29.2	31.8	-8.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	21.1	21.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.76	27.5	-97.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	91.0	102	-10.6%
Nợ ngắn hạn	91.0	102	-10.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.07	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	27.3	32.2	-15.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	228	222	2.7%
Vốn chủ sở hữu	228	222	2.7%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

